TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khương

Bà Bùi Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị VDL; ĐKNKTT: Số 44 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số 3/47 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh NCT; ĐKNKTT: Số 44 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 1 Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-5-2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị VDL trình bày:

Chị VDL và anh NCT xây dựng gia đình do tự nguyện từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng năm

2014. Quá trình chung sống giữa vợ chồng, có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có nhiều bất đồng về quan điểm, về cách sống nên đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2016. Năm 2019, anh NCT vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích. Nay, chị VDL cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh NCT theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con tên là G, sinh ngày 11-11-2012. Ly hôn, chị VDL có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị VDL không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 24-7-2020, có xác nhận của Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng, bị đơn anh NCT trình bày:

Anh NCT và chị VDL kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị VDL trình bày là đúng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống kinh tế khó khăn nên từ năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị VDL yêu cầu giải quyết ly hôn, anh NCT xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con tên là G, sinh ngày 11-11-2012. Ly hôn, do anh NCT đang chấp hành án phạt tù nên đồng ý để chị VDL nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh NCT đề nghị hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc

hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị VDL ly hôn anh NCT. Về con chung: Giao con G, sinh ngày 11-11-2012 cho chị VDL nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị VDL phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị VDL và anh NCT kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 19-8-2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị VDL và anh NCT là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị VDL và anh NCT đều cho rằng, quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về cách sống và do cuộc sống kinh tế khó khăn nên đã sống ly thân từ năm 2016 và không còn quan tâm đến nhau. Năm 2019, anh NCT vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nay chị VDL yêu cầu giải quyết ly hôn, anh NCT cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị VDL và anh NCT đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị VDL yêu cầu ly hôn với anh NCT là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị VDL và anh NCT có 01 con là G, sinh ngày 11-11-2012. Ly hôn, chị VDL có nguyện vọng được nuôi dưỡng con cho đến khi con thành niên; anh NCT cũng đồng ý để chị VDL nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa, chị VDL trình bày, người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn Trường là mẹ đẻ của anh NCT. Hiện tại, Chị làm nghề lao động tự do (kinh doanh quán cà phê), thu nhập ổn định khoảng 20.000.000 đến 30.000.000 đồng/tháng và có nơi ở ổn định có khả năng nuôi dưỡng con. Trong khi đó, cháu Tuấn Trường có

nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, giao con G cho chị VDL nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của các bên, phù hợp nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.1] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị VDL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị VDL ly hôn anh NCT.

2. Về con chung: Giao con G, sinh ngày 11-11-2012 cho chị VDL trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị VDL phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009927, ngày 25-5-2020 của Chi cục Thi hành án

dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị VDL đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, quận C
(GCN kết hôn số 53 ngày 19-8-2014);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Hữu Hường